

## KẾ HOẠCH

### **Xây dựng mới, cải tạo, đóng cửa, di dời nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030**

Thực hiện quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật; trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 348/TTr-SXD ngày 27/11/2024 và thực hiện kết luận của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 27/11/2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Xây dựng mới, cải tạo, đóng cửa, di dời nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với các nội dung như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các đồ án quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch chung và các chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh được duyệt liên quan đến nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

- Làm cơ sở để lập kế hoạch đầu tư xây dựng, đề xuất các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa trong việc triển khai đầu tư xây dựng các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

##### **2. Yêu cầu**

- Đảm bảo diện tích đất nghĩa trang và cơ sở hỏa táng phục vụ nhu cầu mai táng của người dân; nhu cầu cải táng từ công tác giải phóng mặt bằng của các dự án xây dựng chỉnh trang đô thị, dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới, khu dân cư, khu tái định cư và các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn.

- Nâng cao tỷ lệ hỏa táng, ưu tiên táng người chết vào các nghĩa trang tập trung theo quy hoạch thay cho việc táng người chết tại các phần mộ riêng lẻ tại khu vực nông thôn.

- Xây dựng Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và danh mục các nghĩa trang cần di dời, đóng cửa trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở để UBND cấp huyện tổ chức lập kế hoạch hàng năm đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng nghĩa trang, lộ trình đóng cửa và di dời nghĩa trang theo quy định.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Tiêu chuẩn, định mức và chỉ tiêu áp dụng:

- Quy mô sử dụng đất nghĩa trang được dự báo trên cơ sở dự báo về dân số; tiêu chuẩn đất nghĩa trang đảm bảo đạt 0,04 ha/1000 dân (QCVN:01/2021/BXD Quy chuẩn quốc gia về Quy hoạch xây dựng).

- Quy định về sử dụng đất nghĩa trang: Chỉ tiêu sử dụng đất cho một phần mộ: Diện tích sử dụng cho mỗi phần mộ đơn (không tính diện tích đường xung quanh mộ) tối đa 3m<sup>2</sup>/mộ (QCVN 07-10:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật).

- Tỷ lệ sử dụng đất trong nghĩa trang: Theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 07-10:2023/BXD thì diện tích khu vực mai táng tối thiểu 50%; diện tích đất khu công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ tối thiểu 40%.

- Quy định khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường của nghĩa trang tuân thủ QCVN:01/2021/BXD (tùy theo đối tượng cách ly, tùy theo hình thức táng người chết ...).

### 2. Nhu cầu về nghĩa trang, cơ sở hỏa táng đến năm 2030:

- Theo Niên giám thống kê tỉnh Bình Định, trên địa bàn tỉnh tỷ suất chết thô trung bình khoảng 0,68%/năm tương đương số lượng người chết trên địa bàn tỉnh trung bình khoảng 10.130 người/năm.

- Với số lượng người chết hàng năm trung bình là 10.130 người thì đến năm 2030, số lượng người chết dự kiến là 70.926 người (trong đó giai đoạn 2024-2025 là 20.265 người và giai đoạn 2026-2030 là 50.661 người).

- Diện tích sử dụng đất nghĩa trang cần thiết đến năm 2030 là 354.600 m<sup>2</sup> (35,46ha) bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật chung quanh mộ, trong đó:

+ Giai đoạn 2024-2025: 10,13ha.

+ Giai đoạn 2026-2030: 25,33ha.

- Ngoài ra, để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội của địa phương trên địa bàn tỉnh thì nhu cầu đất phục vụ cho công tác cải táng, giải phóng mặt bằng các nghĩa trang hiện trạng là rất lớn. Do đó cần phải có quỹ đất và nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng cho các khu cải táng.

- Về cơ sở hỏa táng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh chỉ có 01 (một) cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố Quy Nhơn nên việc di chuyển hỏa táng người chết đối với các địa phương phía Bắc tỉnh như: Hoài Ân, An Lão, Hoài Nhơn có cự ly xa, mất nhiều thời gian. Vì vậy, cần thiết phải có một cơ sở hỏa táng tại Nghĩa trang Đồi Pháo cho khu vực phía Bắc tỉnh nhằm giảm cự ly vận chuyển để phục vụ nhu cầu của người dân tại khu vực này.

### 3. Xây dựng mới, cải tạo mở rộng nghĩa trang:

Đến năm 2030, xây dựng mới, cải tạo mở rộng 56 nghĩa trang với tổng diện tích là 362,92ha, trong đó:

+ Giai đoạn 2024-2025 xây dựng 18 nghĩa trang với tổng diện tích 90,79ha (bao gồm: 12 khu nghĩa trang xây mới nhằm phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh, 06 khu cải táng phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh) với tổng kinh phí 413,6 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước 230,70 tỷ đồng, vốn khác là 182,90 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục II, IV đính kèm).*

+ Giai đoạn 2026-2030 xây dựng 38 nghĩa trang tập trung quy mô cấp vùng huyện phù hợp với quy hoạch với tổng diện tích 272,13ha với tổng kinh phí 1.171,94 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước 290,50 tỷ đồng, vốn khác là 881,44 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).*

#### **4. Về đóng cửa, di dời nghĩa trang và phần mộ riêng lẻ:**

a) Các nghĩa trang hiện trạng, không phù hợp với quy hoạch cải tạo, mở rộng nghĩa trang: Tiến hành khoanh vùng ranh giới, cải tạo môi trường, chôn cất lấp đầy tiến tới đóng cửa song song với việc sử dụng nghĩa trang tập trung cấp vùng huyện và các nghĩa trang đã được quy hoạch tại địa phương.

b) Đóng cửa tất cả các nghĩa trang không còn diện tích sử dụng, không còn phù hợp với quy hoạch mở rộng nghĩa trang, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ, trong đó:

+ Giai đoạn 2024-2025: Đóng cửa 74 nghĩa trang với tổng diện tích là 116,33ha.

+ Giai đoạn 2026-2030: Đóng cửa 214 nghĩa trang với tổng diện tích là 583,30ha.

*(Chi tiết theo Phụ lục V đính kèm).*

- Đến năm 2030, thực hiện di dời 08 nghĩa trang, với diện tích 47,02ha, kinh phí thực hiện di dời từ nguồn ngân sách nhà nước; tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm và rà soát điều chỉnh, bổ sung nhân rộng mô hình trên phạm vi tất cả các huyện, thị xã và thành phố phù hợp theo khả năng cân đối ngân sách và tình hình phát triển đô thị và diêm dân cư nông thôn.

*(Chi tiết theo Phụ lục VI đính kèm).*

#### **5. Về cơ sở hỏa táng:**

- Đến năm 2025, nâng tỷ lệ số ca hỏa táng trên tổng số người chết trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ 10÷15% (Nghị quyết số: 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025).

- Đến năm 2030:

+ Nâng tỷ lệ số ca hỏa táng trên tổng số người chết trên địa bàn thành phố Quy Nhơn đạt tỷ lệ 20% - 30%; các địa phương còn lại 15% - 20%.

+ Đầu tư mới cơ sở hỏa táng tại Nghĩa trang Đồi Pháo, phường Hoài Hảo, thị xã Hoài Nhơn phục vụ cho khu vực phía Bắc tỉnh, với công suất 6 ca/ngày, sử dụng công nghệ hiện đại đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng Nghĩa trang Bình Định An Viên giai đoạn 2 tại phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn.

### **6. Số lượng các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng sau khi thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đóng cửa và di dời:**

Đến năm 2030, sau khi thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng, đóng cửa và di dời các nghĩa trang theo Kế hoạch này thì trên địa bàn toàn tỉnh còn lại 463 nghĩa trang và 02 cơ sở hỏa táng, với tổng diện tích là 590,82ha. *(Chi tiết theo Phụ lục VII đính kèm).*

Trong đó, có 02 nghĩa trang cấp tỉnh, gồm: Nghĩa trang Bình Định An Viên và Nghĩa trang Đồi Pháo; 14 nghĩa trang cấp huyện: thành phố Quy Nhơn 01 nghĩa trang, thị xã An Nhơn 03 nghĩa trang; thị xã Hoài Nhơn 02 nghĩa trang, Tuy Phước 01 nghĩa trang, Tây Sơn 02 nghĩa trang, Phù Mỹ 02 nghĩa trang, Vĩnh Thạnh 01 nghĩa trang, An Lão 01 nghĩa trang và Vân Canh 01 nghĩa trang; còn lại là 447 nghĩa trang cấp xã.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Xây dựng:**

- Làm đầu mối đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng, điều chỉnh các chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, khuyến khích việc sử dụng hình thức hỏa táng nhằm nâng cao tỷ lệ người sử dụng dịch vụ hỏa táng trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, vận động nhân dân sử dụng việc mai táng đảm bảo văn minh, hiện đại, tiết kiệm đất và bảo vệ môi trường.

**2. Các Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Khoa học và Công nghệ và Ban Quản lý Khu kinh tế:** Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh.

### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Về lĩnh vực đất đai: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh.

- Về lĩnh vực môi trường: Chủ trì, tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, di dời nghĩa trang và xây dựng cơ sở hỏa táng ngoài phạm vi quản lý của Ban quản lý Khu kinh tế, thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**4. Sở Thông tin và Truyền thông:** Phối hợp với Sở Xây dựng chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, Phòng Văn hoá và Thông tin, Trung tâm Văn hoá – Thông tin – Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của tỉnh, tạo sự đồng thuận của nhân dân ủng hộ việc đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và sử dụng các hình thức táng mới văn minh, hiện đại nhằm tiết kiệm tối đa đất trên địa bàn tỉnh.

#### **5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này tổ chức lập kế hoạch đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng và lộ trình đóng cửa, di dời nghĩa trang trên địa bàn, trong đó cần xem xét phân kỳ đầu tư cho phù hợp với nhu cầu chôn cất thực tế tại địa phương.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả quy định tại Điều 11 Quyết định số 80/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) để rà soát, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐ+CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, K14.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC I**  
**BẢNG TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

STT	Tên địa phương	Số lượng	Diện tích (ha)	Đã sử dụng (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Diện tích còn lại (ha)	Dự kiến số lượng mộ có thể chôn cất (mộ)
1	Quy Nhơn	20	127,21	79,44	62,45%	47,76	53.185
2	Hoài Nhơn	101	304,16	201,19	66,15%	102,97	61.780
3	An Nhơn	98	315,76	254,43	80,58%	61,33	25.762
4	Phù Mỹ	79	274,61	138,27	50,35%	136,34	88.641
5	Phù Cát	51	300,45	161,46	53,74%	138,99	88.341
6	Tuy Phước	86	194,22	151,03	77,76%	43,20	35.118
7	Vân Canh	33	48,14	26,63	55,32%	21,51	14.279
8	Tây Sơn	42	181,35	128,28	70,73%	53,07	40.112
9	Vĩnh Thạnh	53	67,50	28,40	42,07%	39,10	15.450
10	An Lão	39	85,96	39,62	46,09%	46,34	50.672
11	Hoài Ân	120	208,15	95,83	68,78%	112,33	58.306
	<b>Tổng cộng</b>	<b>722</b>	<b>2.107,52</b>	<b>1.304,58</b>	<b>61,90%</b>	<b>802,94</b>	<b>531.645</b>

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI NGHĨA TRANG GIAI ĐOẠN 2024-2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

STT	Tên nghĩa trang nhân dân	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Vùng phục vụ	Thời gian xây dựng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Chủ trì thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>		<b>1,30</b>			<b>3,00</b>			
1	Xây dựng khu đất nghĩa trang trên địa bàn xã Nhơn Châu	Xã Nhơn Châu	1,30	Xã Nhơn Châu	2024-2025	3,00	Ngân sách thành phố	UBND thành phố Quy Nhơn	Đang thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng theo Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn đến năm 2035 theo Quyết định 118/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh
<b>II</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>		<b>13,50</b>			<b>27,00</b>			

2	Nghĩa trang nhân dân bắc An Nhon	Xã Nhon Mỹ	13,50	Phường Đập Đá, phường Nhon Thành, phường Nhon Hưng, xã Nhon Mỹ, xã Nhon Hậu	2024-2025	27,00	Nhà đầu tư	UBND thị xã An Nhon	Kêu gọi đầu tư Nghĩa trang giai đoạn 2 theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của UBND thị xã An Nhon về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 công trình Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhon
<b>III</b>	<b>Thị xã Hoài Nhon</b>		<b>30,66</b>			<b>226,09</b>			
3	Nghĩa trang nhân dân Đồi pháo	Phường Hoài Hảo	14,09	Các phường Hoài Hảo, Tam Quan Nam, Tam Quan Bắc, Tam Quan	2024-2026	155,90	Nhà đầu tư	UBND thị xã Hoài Nhon	Đang kêu gọi đầu tư theo chủ trương dự án tại Quyết định số 3999/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh Bình Định
4	Nghĩa trang nhân dân Đồi pháo (giai đoạn 2)	Phường Hoài Hảo	6,00	Các phường Hoài Hảo, Tam Quan Nam, Tam Quan Bắc, Tam Quan	2024-2026	33,19	Ngân sách thị xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND thị xã Hoài Nhon	Đang triển khai đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thị xã Hoài Nhon



5	Nghĩa trang nhân dân Hoài Thanh	Phường Hoài Thanh	10,57	Phường Hoài Thanh và phường Hoài Hương	2025-2027	37,00	Ngân sách phường Hoài Thanh và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND phường Hoài Thanh	Đang triển khai đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thị xã Hoài Nhơn
<b>IV</b>	<b>Huyện Vân Canh</b>		<b>9,01</b>			<b>20,00</b>			
6	Nghĩa trang nhân dân xã Canh Thuận	Xã Canh Thuận	2,07	Xã Canh Thuận	2024-2025	5,50	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Thuận	Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện Vân Canh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 nghĩa trang nhân dân xã Canh Thuận
7	Nghĩa trang nhân dân thôn Tân Quang	Xã Canh Hiền	1,00	Thôn Tân Quang	2024-2025	2,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Hiền	Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND huyện Vân Canh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hiền đến năm 2035
8	Nghĩa trang nhân dân làng Canh Lãnh	Xã Canh Hòa	2,64	Làng Canh Lãnh	2024-2025	6,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Hòa	Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND huyện Vân Canh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hòa đến năm 2035

9	Nghĩa trang nhân dân làng Canh Thành	Xã Canh Thành	1,30	Làng Canh Thành	2024-2025	2,50	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Hòa	Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND huyện Vân Canh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Canh Hòa đến năm 2035
10	Nghĩa trang nhân dân làng Cà Bung	Xã Canh Liên	2,00	Làng Cà Bung	2024-2025	4,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Liên	Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND huyện Vân Canh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Canh Liên đến năm 2035
<b>V</b>	<b>Tuy Phước</b>		<b>7,38</b>			<b>20,00</b>			
11	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Quảng Nghiệp	Xã Phước Hưng	2,38	Xã Phước Hưng	2024-2025	5,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tuy Phước	Dự án phục vụ nhu cầu của địa phương, cải tạo, mở rộng nghĩa trang hiện hữu
12	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thị trấn Diêu Trì	Thị trấn Diêu Trì	5,00	Thị trấn Diêu Trì	2024-2025	15,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tuy Phước	Đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND huyện Tuy Phước
	<b>Tổng</b>		<b>61,85</b>			<b>296,09</b>			

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI NGHĨA TRANG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

STT	Tên nghĩa trang nhân dân	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Vùng phục vụ	Thời gian xây dựng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Chủ trì thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>		<b>13,38</b>						
1	Nghĩa trang Bình Định An Viên giai đoạn 2	Phường Bùi Thị Xuân	13,38	Thành phố Quy Nhơn	2026-2030		Nhà đầu tư	Công ty TNHH Đầu tư An Viên An Lộc Phát	Đã triển khai giai đoạn 1 với diện tích 21,86ha trong đó có 7,7ha cho Hỏa táng. Giai đoạn 2 đã thực hiện giải phóng mặt bằng 13,38 ha
<b>II</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>		<b>40,78</b>			<b>81,56</b>			
2	Nghĩa trang nhân dân bắc An Nhơn	Xã Nhơn Mỹ	13,50	Phường Đập Đá, phường Nhơn Thành, phường Nhơn Hưng, xã Nhơn Mỹ, xã Nhơn Hậu	2026-2030	27,00	Nhà đầu tư	UBND thị xã An Nhơn	Tiếp tục kêu gọi đầu tư (nếu giai đoạn 2024-2025 chưa có nhà đầu tư) theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 công trình Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn

3	Nghĩa trang nhân dân nam An Nhơn	Xã Nhơn Tân	13,78	Xã Nhơn Tân, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Khánh, Nhơn Phúc, phường Nhơn Hòa, phường Bình Định	2026-2030	27,56	Nhà đầu tư	UBND thị xã An Nhơn	Tổng diện tích là 19,6ha, Thị xã đã đầu tư xây dựng giai đoạn 1 với quy mô diện tích 5,82ha; giai đoạn 2 đầu tư thêm 13,78ha theo Quyết định số 5794/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 công trình Nghĩa trang nhân dân Nam An Nhơn
4	Nghĩa trang nhân dân Đông An Nhơn	Xã Nhơn Phong	13,50	Xã Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh	2026-2030	27,00	Nhà đầu tư	UBND thị xã An Nhơn	Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị An Nhơn tỉnh Bình Định đến năm 2035 tại Quyết định 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019; Quyết định số 3729/QĐ-UBND ngày 10/10/2023
<b>III</b>	<b>Thị xã Hoài Nhơn</b>		<b>67,77</b>			<b>749,88</b>			

5	Nghĩa trang nhân dân tập trung	Xã Hoài Sơn	18,09	Các xã Hoài Sơn, Hoài Châu và Hoài Châu Bắc	2026-2030	200,18	Nhà đầu tư và các nguồn hợp pháp khác	UBND Thị xã Hoài Nhơn	Theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn tại Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của UBND thị xã Hoài Nhơn
6	Nghĩa trang nhân dân phía Nam thị xã Hoài Nhơn	Phường Hoài Tân	49,68	Các phường: Bồng Sơn, Hoài Thanh, Hoài Hương, Hoài Tân, Hoài Xuân, Hoài Đức và các xã Hoài Hải, Hoài Mỹ	2026-2030	549,70	Nhà đầu tư và các nguồn hợp pháp khác	UBND Thị xã Hoài Nhơn	Theo nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Nghĩa trang nhân dân phía Nam thị xã Hoài Nhơn tại Quyết định số 4181/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND thị xã Hoài Nhơn
<b>IV</b>	<b>Huyện Tây Sơn</b>		<b>44,00</b>			<b>88,00</b>			
7	Khu nghĩa trang nhân dân tập trung phía Bắc huyện Tây Sơn	Xã Bình Thuận	10,00	Xã Bình Tân, Bình Thuận, Tây Vinh, Tây An, Tây Bình, Bình Thành, Bình Hòa	2026 - 2030	20,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Sơn	Quy hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn đến năm 2030; đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) diện tích 20ha; trong giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư xây dựng 10ha

8	Khu nghĩa trang nhân dân tập trung phía Nam huyện Tây Sơn	Xã Bình Tường	25,00	Xã Bình Tường, Tây Giang, Tây Thuận, Tây Phú, thị trấn Phú Phong, Tây Xuân, Bình Nghi	2026 - 2030	50,00	Nhà đầu tư	UBND huyện Tây Sơn	Quy hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn đến năm 2030; đang trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) diện tích 51,5ha; trong giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư xây dựng 25ha
9	Nâng cấp mở rộng Nghĩa trang nhân dân thị trấn Phú Phong	Xã Bình Thành	4,00	Thị trấn Phú Phong, xã Bình Thành, xã Bình Hòa	2026 - 2030	8,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Sơn	Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Bình Thành đến năm 2030 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 5822/QĐ-UBND ngày 19/9/2023, diện tích mở rộng thêm 8ha; trong giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư xây dựng 4ha

10	Nâng cấp mở rộng Nghĩa trang nhân dân thôn Thượng Giang	Xã Tây Giang	2,00	Xã Tây Giang	2026 - 2030	4,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Sơn	Theo quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm xã Tây Giang, huyện Tây Sơn đến năm 2025 theo hướng đạt chuẩn đô thị loại V đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 25/02/2016; diện tích mở rộng thêm 6,6ha; trong giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư xây dựng 2ha
11	Nghĩa trang nhân dân xã Tây Phú	Xã Tây Phú	3,00	Xã Tây Phú, xã Tây Xuân	2026 - 2030	6,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tây Sơn	Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Tây Phú đến năm 2030 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 6445/QĐ-UBND ngày 9/10/2023; diện tích quy hoạch 5ha; trong giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư xây dựng 3ha
<b>V</b>	<b>Tuy Phước</b>		<b>26,50</b>			<b>61,50</b>			

12	Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	Xã Phước Lộc, Phước An, huyện Tuy Phước	5,40	Xã Phước Lộc, xã Phước An, thị trấn Tuy Phước	2026-2030	17,00	Ngân sách tỉnh	Ban GPMB tỉnh	Đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND huyện Tuy Phước
13	Nghĩa địa Gò Tra, xã Phước An	Xã Phước An, huyện Tuy Phước	10,20	Xã Phước An, huyện Tuy Phước	2026-2030	20,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tuy Phước	Cải tạo mở rộng nghĩa trang hiện hữu
14	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	3,90	Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước	2026-2030	12,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tuy Phước	Đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND huyện Tuy Phước
15	Mở rộng nghĩa địa Gò giữa	Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước	5,90	Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước	2026-2030	10,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tuy Phước	Cải tạo mở rộng nghĩa trang hiện hữu
16	Mở rộng nghĩa địa thôn Phục Thiện, xã Phước Quang	Xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	1,10	Xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước	2026-2030	2,50	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Tuy Phước	Cải tạo mở rộng nghĩa trang hiện hữu



VI	Phù Cát		35,70			111,50			
17	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Thạch Bàn Tây, xã Cát Sơn	Xã Cát Sơn	1,00	Xã Cát Sơn	2026-2030	3,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Sơn	Theo đề án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 6628/QĐ-UBND ngày 27/12/2023
18	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân 1- Cát Minh	Xã Cát Minh	1,00	Xã Cát Minh	2026-2030	2,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Minh	Theo đề án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 17/5/2024
19	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò Rộng, Xuân An	Xã Cát Tường	2,00	Xã Cát Tường	2026-2030	6,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Tường	Theo đề án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 25/6/2024
20	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò nông lớn	Xã Cát Tường	1,50	Xã Cát Tường	2026-2030	4,50	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Tường	Theo đề án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 25/6/2024
21	Cải tạo, mở rộng Nghĩa trang nhân dân xã Cát Trinh	xã Cát Trinh	4,20	Xã Cát Trinh	2026-2030	14,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Trinh	Theo đề án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định

									số 6699/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
22	Nghĩa trang nhân dân xã Cát Thành	Xã Cát Thành	8,00	Xã Cát Thành	2026-2030	15,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Thành	Theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 25/6/2024
23	Nghĩa trang nhân dân Mỹ Hóa, xã Cát Hanh	Xã Cát Hanh	1,00	Xã Cát Hanh	2026-2030	3,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Hanh	Theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 28/2/2023
24	Nghĩa trang nhân dân An Điềm, xã Cát Lâm	Xã Cát Lâm	2,00	Xã Cát Lâm	2026-2030	4,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Lâm	Theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 6595/QĐ-UBND ngày 26/12/2023
25	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân Thuận Phong, xã Cát Lâm	Xã Cát Lâm	3,00	Xã Cát Lâm	2026-2030	5,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Cát Lâm	Theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 6595/QĐ-UBND ngày 26/12/2023

26	Cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Cát Khánh	Xã Cát Khánh	10,00	Xã Cát Khánh	2026-2030	40,00	Ngân sách huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Phù Cát	Theo đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 đô thị Cát Khánh được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 29/8/2023
27	Nâng cấp, mở rộng Nghĩa trang nhân dân xã Cát Hanh	Xã Cát Hanh	2,00	Xã Cát Hanh	2026-2030	15,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Phù Cát	Theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Cát đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 03/11/2021
<b>VII</b>	<b>Phù Mỹ</b>		<b>16,50</b>			<b>33,00</b>			
28	Nghĩa trang nhân dân xã Mỹ Chánh	Thôn Đông An	2,50	Xã Mỹ Chánh	2026-2030	5,00	Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Mỹ Chánh	Theo đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 26/4/2024

29	Nghĩa trang khu vực phía Bắc huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Lộc	7,00	Khu vực phía Bắc huyện	2026-2030	14,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Phù Mỹ	Theo đồ án quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 và đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Lộc đến năm 2035 được UBND huyện Phù Mỹ phê duyệt tại Quyết định số 10476/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
30	Nghĩa trang khu vực phía Nam huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Hiệp	7,00	Khu vực phía Nam huyện	2026-2030	14,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Phù Mỹ	Theo đồ án quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 và đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Hiệp đến năm 2035 được UBND huyện Phù Mỹ phê duyệt tại Quyết định số 10481/QĐ-UBND ngày 29/12/2023

VIII	Vân Canh		15,50			31,00			
31	Nghĩa trang huyện Vân Canh	Xã Canh Hiệp	10,00	Xã Canh Vinh, Canh Hiền, Canh Hiệp, thị trấn Vân Canh	2026-230	20,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Vân Canh	Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vân Canh đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 3820/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Vân Canh đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050
32	Nghĩa trang nhân dân xã Canh Vinh	Xã Canh Vinh	2,50	Xã Canh Vinh	2026-230	5,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Vinh	Hiện đang trình thẩm định đồ án quy hoạch chung đô thị Canh Vinh đến năm 2035
33	Nghĩa trang nhân dân làng Cà Xim	Xã Canh Thuận	1,00	Làng Cà Xim	2026-2030	2,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Thuận	Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 14/12/2023 của UBND huyện Vân Canh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Canh Thuận đến năm 2035

34	Nghĩa trang nhân dân làng Cát	Xã Canh Liên	2,00	Làng Cát	2026-2030	4,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND xã Canh Liên	Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND huyện Vân Canh phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Canh Liên đến năm 2035
<b>IX</b>	<b>Huyện An Lão</b>		<b>3,00</b>			<b>6,00</b>			
35	Nghĩa trang huyện An Lão	Xã An Hưng	3,00	Huyện An Lão	2026-2030	6,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện An Lão	Đầu tư 3ha/7ha theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện An Lão đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh
<b>X</b>	<b>Huyện Vĩnh Thạnh</b>		<b>9,00</b>			<b>9,50</b>			
36	Nghĩa trang cán bộ và nhân dân huyện Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	5,00	Huyện Vĩnh Thạnh	2026-2030	5,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Tổng diện tích 8ha. Hiện trạng đã đầu tư khoảng 3ha, đến năm 2030 đầu tư mở rộng 5ha theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh

37	Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	2,00	Xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Kim	2026-2030	2,50	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quy hoạch tại thôn K2 theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 tại Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND huyện Vĩnh Thạnh
38	Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Hòa	Xã Vĩnh Hòa	2,00	Xã Vĩnh Hòa, Vĩnh Thịnh và Vĩnh Hiệp	2026-2030	2,00	Ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác	UBND huyện Vĩnh Thạnh	Quy hoạch tại thôn M9 với diện tích 01ha, tiếp theo sẽ mở rộng và đầu tư xây dựng thêm 01 ha theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND huyện Vĩnh Thạnh
<b>Tổng</b>			<b>272,13</b>			<b>1171,94</b>			

**PHỤ LỤC IV**  
**DANH MỤC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CẢI TÁNG PHỤC VỤ CÁC DỰ ÁN**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

STT	Tên nghĩa trang nhân dân	Địa điểm	Quy mô diện tích (ha)	Vùng phục vụ	Thời gian xây dựng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Chủ trì thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Quy Nhơn</b>		<b>17,69</b>			<b>79,10</b>			
1	Khu cải táng tại khu vực phía đông sườn suối Cả Nhơn Lý (giai đoạn 2)	Xã Nhơn Lý	3,60	Xã Nhơn Lý	2024-2026	24,80	Ngân sách thành phố	UBND thành phố Quy Nhơn	Đang thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của UBND thành phố Quy Nhơn, trong đó phân bổ vốn trong năm 2024 từ ngân sách thành phố là 05 tỷ
2	Khu cải táng và khu mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Phước Mỹ, Tp. Quy Nhơn	Xã Phước Mỹ	8,59	Xã Phước Mỹ và thành phố Quy Nhơn	2023-2025	32,40	Ngân sách thành phố	UBND thành phố Quy Nhơn	Đang thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 01/6/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy Nhơn



3	Khu cải táng phục vụ GPMB dự án KĐT nam đường Hùng Vương, P. Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn	Xã Phước Mỹ	5,50	KĐT Nam đường Hùng Vương và thành phố Quy Nhơn	2023-2025	21,90	Vốn Ngân sách tỉnh	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh	UBND tỉnh đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 27/5/2024, đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng tiếp theo
<b>II</b>	<b>Hoài Nhơn</b>		<b>0,80</b>			<b>0,90</b>			
4	Khu cải táng phục vụ công tác GPMB Cụm công nghiệp Bồng Sơn (giai đoạn 2)	Phường Bồng Sơn	0,8	Phường Bồng Sơn	2024-2025	0,9	Ngân sách thị xã Hoài Nhơn và các nguồn vốn hợp pháp khác	Ban Quản lý dự án ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn	Đang thực hiện theo chủ trương đầu tư dự án tại Văn bản số 2334/UBND-VP ngày 22/7/2024 của UBND thị xã Hoài Nhơn
<b>III</b>	<b>Tuy Phước</b>		<b>0,65</b>			<b>1,50</b>			
5	Nghĩa địa Gò Bún, thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp	Xã Phước Hiệp	0,65	Xã Phước Hiệp	2024-2025	1,50	Ngân sách huyện	UBND huyện Tuy Phước	Phục vụ dự án đường kết nối trung tâm thị xã An Nhơn đến đường Tây đàm Thị Nại theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 1522/QĐ-UBND ngày 22/04/2022 của UBND huyện Tuy Phước

<b>IV</b>	<b>Phù Cát</b>		<b>9,8</b>			<b>36,00</b>			
6	Khu cải táng, mai táng phía Nam nghĩa trang thôn Chánh Oai, xã Cát Hải	Xã Cát Hải	9,8	Xã Cát Hải	2024-2025	36,00	Nguồn vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện Phù Cát và xã Cát Hải	UBND huyện Phù Cát	Nhằm phục vụ việc di dời mồ mã hiện trạng khi thực hiện công tác bồi thường, GPMB đối với các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã Cát Hải và các khu vực lân cận (do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, huyện Phù Cát mời gọi đầu tư tại xã Cát Hải, Cát Thành và phạm vi thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội); đồng thời phục vụ nhu cầu mai táng cho người dân tại địa phương trong thời gian tới theo chủ trương tại Văn bản số 6639/UBND-KT ngày 26/8/2024 của UBND tỉnh
	<b>Tổng</b>		<b>28,94</b>			<b>117,50</b>			

**PHỤ LỤC V**  
**CÁC NGHĨA TRANG THỰC HIỆN ĐÓNG CỬA GIAI ĐOẠN 2024-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

STT	Tên địa phương	Giai đoạn 2024-2025		Giai đoạn 2026-2030		Ghi chú
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)	
1	Quy Nhơn	-	-	8	30,39	
2	Hoài Nhơn	-	-	65	146,99	
3	An Nhơn	39	71,42	53	169,66	
4	Phù Mỹ	19	24,92	20	82,48	
5	Phù Cát	-	-	4	26,70	
6	Tuy Phước	14	18,64	5	8,83	
7	Vân Canh	2	1,35	9	8,72	
8	Tây Sơn	-	-	20	79,30	
9	Vĩnh Thạnh	-	-	30	30,23	
10	An Lão	-	-	-	-	
11	Hoài Ân	-	-	-	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>74</b>	<b>116,33</b>	<b>214</b>	<b>583,30</b>	

## PHỤ LỤC VI

## DANH SÁCH CÁC NGHĨA TRANG DI DỜI GIAI ĐOẠN 2024-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

STT	Tên nghĩa trang	Địa điểm	Diện tích (ha)	Nơi di dời đến	Thời gian thực hiện	Chi phí di dời (tỷ đồng)	Chủ trì	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>							
1	Nghĩa trang xã Nhơn Lý	Xã Nhơn Lý	12	Khu Cải táng xã Nhơn Lý	2025-2030	155,7	UBND TP Quy Nhơn	Chi phí di dời nằm trong chi phí GPMB tại Nghị quyết số 17/NQ-HDND ngày 10/6/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật phía Nam Suối Cả, xã Nhơn Lý
2	Hóc bà Bếp	Khu phố 1 và Khu phố 4, phường Đồng Đa	7,3	Khu Cải táng xã Phước Mỹ	2025-2030	219,0	UBND TP Quy Nhơn	Với khoảng 11.000 mộ
<b>II</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>							
3	Tháp Cánh Tiên	Phường Đập Đá	6,1	Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhơn	2025-2030	84,5	UBND TX An Nhơn	Kinh phí di dời và việc di dời nghĩa trang triển khai đồng thời cùng lúc với các hạng mục dự án trong khu vực lân cận các di tích gốc Thành Hoàng Đế, thị xã An

4	Nghĩa địa nhân dân Đồi 20	Nhon Hậu	8,4	Nghĩa trang nhân dân Bắc An Nhon	2025-2030	33,8	UBND TX An Nhon	Nhon, tỉnh Bình Định được UBND tỉnh phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 với khoảng 6500 mộ (Tháp Cánh Tiên) và 4500 mộ (Nghĩa địa nhân dân Đồi 20)
<b>III</b>	<b>Thị xã Hoài Nhon</b>							
5	Nghĩa trang Gò Gương	K.P Phụ Đức, Liêm Bình, Thiết Đính Nam	6,6	Nghĩa trang nhân dân hồ Cây Chanh (Bồng Sơn) và Nghĩa trang nhân dân Gò Bồi (Hoài Tân)	2024-2027	40,00	UBND TX Hoài Nhon	Với khoảng 1.000 mộ
<b>IV</b>	<b>Tây Sơn</b>							
6	Nghĩa trang nhân dân thôn Phú Thọ	Thôn Phú Thọ, xã Tây Phú	3,4	Nghĩa trang nhân dân xã Tây Phú	2025 - 2030	8,40	UBND huyện Tây Sơn	
7	Nghĩa trang nhân dân thôn Phú Hiệp (điểm phía Tây)	Thôn Phú Hiệp, xã Tây Phú	2,7	Nghĩa trang nhân dân xã Tây Phú	2025 - 2030	18,00	UBND huyện Tây Sơn	
<b>V</b>	<b>Vân Canh</b>							
8	Nghĩa địa làng Hà Lũy	Làng Hà Lũy, xã Canh Thuận	0,52	Nghĩa địa làng Canh Thuận	2028	4,00	UBND xã Canh Thuận	Với khoảng 118 mộ
	<b>Tổng cộng</b>		<b>47,02</b>			<b>563,35</b>		

## PHỤ LỤC VII

## BẢNG TỔNG HỢP CÁC NGHĨA TRANG SAU KHI XÂY DỰNG, DI DỜI, ĐÓNG CỬA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

STT	Tên địa phương	Số lượng	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Quy Nhơn	12	12,75	20 nghĩa trang hiện trạng, 08 nghĩa trang đóng cửa, 02 nghĩa trang di dời, 02 nghĩa trang đầu tư mới, 03 nghĩa trang đầu tư trên nền hiện trạng đã có trong đó 01 nghĩa trang quy mô cấp tỉnh: Bình Định An Viên, 01 nghĩa trang cấp huyện: Bùi Thị Xuân, còn lại nghĩa trang cấp xã, phường
2	Hoài Nhơn	42	48,61	101 nghĩa trang hiện trạng, 65 nghĩa trang đóng cửa, 06 nghĩa trang đầu tư mới, trong đó 01 nghĩa trang quy mô cấp tỉnh: Nghĩa trang Đồi Pháo, 02 nghĩa trang cấp huyện: Nghĩa trang nhân dân tập trung và nghĩa trang nhân dân phía Nam thị xã Hoài Nhơn, còn lại nghĩa trang cấp xã, phường
3	An Nhơn	6	49,33	98 nghĩa trang hiện trạng, 92 nghĩa trang đóng cửa, đầu tư mới nghĩa trang trên nền hiện trạng, trong đó 03 nghĩa trang cấp huyện: Nghĩa trang Bắc An Nhơn, Nam An Nhơn và Đông An Nhơn, còn lại nghĩa trang cấp xã, phường

4	Phù Mỹ	43	45,44	79 nghĩa trang hiện trạng, 39 nghĩa trang đóng cửa, 03 nghĩa trang đầu tư mới, trong đó 02 nghĩa trang cấp huyện: Nghĩa trang Bắc huyện Phù Mỹ và Nam huyện Phù Mỹ, còn lại nghĩa trang cấp xã, thị trấn
5	Phù Cát	49	157,79	51 nghĩa trang hiện trạng, 04 nghĩa trang đóng cửa, 02 nghĩa trang đầu tư mới (các nghĩa trang còn lại mở rộng trên nền hiện trạng), trong đó chủ yếu nghĩa trang cấp xã, thị trấn
6	Tuy Phước	75	50,26	86 nghĩa trang hiện trạng, 19 nghĩa trang đóng cửa, 08 nghĩa trang đầu tư mới, trong đó 01 nghĩa trang cấp huyện, còn lại nghĩa trang cấp xã, thị trấn
7	Vân Canh	27	35,43	33 nghĩa trang hiện trạng, 11 nghĩa trang đóng cửa, 01 nghĩa trang di dời, 09 nghĩa trang đầu tư mới (03 nghĩa trang mở rộng hiện trạng), trong đó 01 nghĩa trang cấp huyện: Nghĩa trang nhân dân huyện Vân Canh, còn lại nghĩa trang cấp xã, thị trấn
8	Tây Sơn	25	11,67	42 nghĩa trang hiện trạng, 20 nghĩa trang đóng cửa, 02 nghĩa trang di dời, 05 nghĩa trang đầu tư mới, trong đó 02 nghĩa trang cấp huyện: Nghĩa trang Bắc huyện Tây Sơn và Nam huyện Tây Sơn, còn lại nghĩa trang cấp xã, thị trấn

9	Vĩnh Thạnh	25	17,87	53 nghĩa trang hiện trạng, 30 nghĩa trang đóng cửa, 02 nghĩa trang đầu tư mới (01 nghĩa trang mở rộng hiện trạng), trong đó 01 nghĩa trang cấp huyện: Nghĩa trang nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, còn lại nghĩa trang cấp xã, thị trấn
10	An Lão	39	49,34	Giữ nguyên hiện trạng, trước mắt không đóng cửa, mở rộng 01 nghĩa trang hiện trạng, trong đó 01 nghĩa trang cấp huyện: Nghĩa trang nhân dân huyện An Lão, còn lại nghĩa trang cấp xã, thị trấn
11	Hoài Ân	120	112,33	Giữ nguyên hiện trạng, trước mắt không đóng cửa, chủ yếu nghĩa trang cấp xã, thị trấn
	<b>Tổng cộng</b>	<b>463</b>	<b>590,82</b>	